

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126
127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2119/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 10 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành;
được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội giải quyết
thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-BCT ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực điện lực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới được ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính tại Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 3361/QĐ-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung ban hành trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ủy quyền cho giám đốc Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 3838/TTr- SCT ngày 20 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 05 thủ tục hành chính mới ban hành, 129 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng (*chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo*).

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 623/QĐ-BCT ngày 06 tháng 3 năm 2025; Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025; Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025; Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Bộ Công Thương và Quyết định số 3361/QĐ- BCT ngày 18 tháng 11 năm 2025.

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin căn cứ quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính áp dụng trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Quyết định này thay thế danh mục và nội dung 01 thủ tục hành chính, số thứ tự 08 Mục I Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh, phần A Danh mục thủ tục hành chính công bố mới đã được công bố tại Quyết định số 1133/QĐ-UBND

ngày 30/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính công bố mới và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng.

Thay thế danh mục và nội dung 09 thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính công bố mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực hóa chất thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng.

Thay thế danh mục và nội dung 02 thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng về việc danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng.

Thay thế danh mục và nội dung 01 thủ tục hành chính, số thứ tự 01, Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung được công bố tại Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng.

Thay thế danh mục và nội dung 06 thủ tục hành chính, số thứ tự 01, 05 đến 09 tại Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện, lĩnh vực điện lực, lĩnh vực điện thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng.

Thay thế danh mục và nội dung thủ tục hành chính tại Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng.

Thay thế danh mục và nội dung 02 thủ tục hành chính, Lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động; 15 thủ tục hành chính, Lĩnh vực kinh doanh khí; 06 thủ tục hành chính, Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước; 02 thủ tục hành chính, Lĩnh vực xúc tiến thương mại; 03 thủ tục hành chính, Lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp; 01 thủ tục hành chính, Lĩnh vực công nghiệp nặng; 04 thủ tục hành chính, số thứ tự 01 đến 04, Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng; 05 thủ tục hành chính, số thứ tự

01 đến 03 và 05, 06, Lĩnh vực chất lượng sản phẩm hàng hóa và 01 thủ tục hành chính, Lĩnh vực khoa học công nghệ; 16 thủ tục hành chính, số thứ tự 02 đến 06, 08 đến 15, 18 đến 20, Lĩnh vực xuất nhập khẩu; 03 thủ tục hành chính, Lĩnh vực thương mại điện tử; 05 thủ tục hành chính, Lĩnh vực thương mại quốc tế; 09 thủ tục hành chính Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng Mục I. Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh; 03 thủ tục hành chính số thứ tự 01 đến 03, Lĩnh vực kinh doanh khí, 03 thủ tục hành chính, số thứ tự 04 đến 06, Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước, Mục II. Danh mục thủ tục hành chính cấp xã, Phần A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; 03 thủ tục hành chính, Lĩnh vực điện; 15 thủ tục hành chính, số thứ tự 01 đến 14, Lĩnh vực thương mại quốc tế; 01 thủ tục hành chính, Lĩnh vực cụm công nghiệp; 07 thủ tục hành chính, Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ, 01 thủ tục hành chính, Lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Mục I. Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh, Phần B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung công bố tại Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng.

Thay thế danh mục và nội dung thủ tục hành chính tại Quyết định số 1190/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng.

Thay thế danh mục và nội dung 01 thủ tục hành chính, số thứ tự 04, Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng tại Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng.

2. Quyết định này bãi bỏ 02 thủ tục hành chính, số thứ tự 01, 02, Lĩnh vực an toàn thực phẩm, Mục I. Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh, Phần A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; 01 thủ tục hành chính số, thứ tự 01 Lĩnh vực phát triển và quản lý chợ, Mục I Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh, Phần B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung công bố tại Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các

lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hải Hòa

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; BỊ BÃI BỎ
TRONG CÁC LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH CAO BẰNG**

(Ban hành kèm Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (05 TTHC)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Lĩnh vực thương mại điện tử (03 TTHC)						
1	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng thương mại điện tử bán hàng (1.002968)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử. - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp	- Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						và thương mại; - Thông tư 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử; - Thông tư 59/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động; - Thông tư 01/2022/TT-BCT ngày 18/01/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT.16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. <i>Thương. Theo quy định ủy quyền tại Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.</i>	
2	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về website thương mại điện tử bán hàng (1.000758)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư 01/2022/TT-BCT ngày 18/01/2022 của Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương. Theo quy định ủy quyền tại Quyết</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							<i>định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>
3	Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử (1.000799)	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công	- Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Cơ quan có thẩm quyền</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	quyết định: Sở Công Thương. Theo quy định ủy quyền tại Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.
2	Lĩnh vực xuất nhập khẩu (01 TTHC)						
1	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa (1.000421)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh,	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp;	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP	- Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.		ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
3	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (01 TTHC)						
1	Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước (1.001335)	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên	- Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (129 TTHC)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (123 TTHC)						
1	Lĩnh vực xúc tiến thương mại (02 TTHC)						
1	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp;	Không	- Luật Thương mại; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của	- Sửa đổi: Trình tự thực hiện.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	lâm thương mại tại nước ngoài (2.000026)		công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	- Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
2	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài (2.000133)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Thương mại; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy	- Sửa đổi: Thời hạn giải quyết. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;	Công Thương.
2	Lĩnh vực kinh doanh khí (15 TTHC)						
01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương xuất nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG (2.001424)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - <i>Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</i> - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- Bổ sung căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc còn 12 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
02	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG (1.000491)	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND	- Bổ sung căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc còn 06 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
03	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG (1.000510)	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - <i>Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy</i>	- Bổ sung căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc còn 06 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.</i> <i>- Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. <i>- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
04	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG (1.005184)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh	- Bổ sung căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc còn 12

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
05	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP	- Bổ sung căn cứ pháp lý. - Cắt giảm

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG (1.000649)	đầy đủ và hợp lệ	Cao Bằng.	chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	hiện hành.	ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc còn 06 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
06	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG (1.005372)	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - <i>Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.</i> - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- Bổ sung căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc còn 06 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							<i>tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
07	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG (1.000706)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- Bổ sung căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 làm việc ngày còn 12 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
08	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG (2.000146)	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND	- Bổ sung căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc còn 06 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
09	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG (1.000387)	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - <i>Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy</i>	- Bổ sung căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc còn 06 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.</i> <i>- Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. <i>- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG (1.000475)	12 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp: - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Thông tư 37/2018/TT-BCT ngày 25/10/2018 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về quản lý an toàn và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc còn 12 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG (1.000455)	06 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp: - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Thông tư 37/2018/TT-BCT ngày 25/10/2018 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về quản lý an toàn và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc còn 06 ngày làm việc. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Thương. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	Sở Công Thương).
12	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG (1.000742)	06 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp: - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Thông tư 37/2018/TT-BCT ngày 25/10/2018 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về quản lý an toàn và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc còn 06 ngày làm việc. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
13	Cấp Giấy chứng nhận	12 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	Nộp hồ sơ, nhận kết quả:	Theo quy định của	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ;	- Cắt giảm thời gian giải

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini (2.000304)		hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp: - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Thông tư 37/2018/TT-BCT ngày 25/10/2018 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về quản lý an toàn và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	quyết từ 15 ngày làm việc còn 12 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini (1.000709)	06 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp: - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Thông tư 37/2018/TT-BCT ngày 25/10/2018 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về quản lý an toàn và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc còn 06 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
15	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini (1.000704)	06 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp: - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư 37/2018/TT-BCT ngày 25/10/2018 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về quản lý an toàn và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc còn 06 ngày làm việc. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	Sở Công Thương).
3	Lĩnh vực thương mại quốc tế (20 TTHC)						
01	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa (2.000255)	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu	- Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC (UBND tỉnh thành Sở Công Thương).

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;	
02	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn (2.000370)	22 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 28 ngày làm việc xuống còn 22 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							quan thực hiện TTHC (UBND tỉnh thành Sở Công Thương). Bổ sung thành phần hồ sơ.
03	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp	22 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 28 ngày làm việc xuống còn 22 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chí (2.000362)					vực công nghiệp và thương mại;	- <i>Sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC (UBND tỉnh thành Sở Công Thương). Bổ sung thành phần hồ sơ.</i>
04	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định	22 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 28 ngày làm việc xuống còn 22 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	09/2018/NĐ-CP (2.000351)					về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC (UBND tỉnh thành Sở Công Thương). Bổ sung thành phần hồ sơ.</i>
05	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (2.000340)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày	- Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC (UBND tỉnh thành</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	<i>Sở Công Thương).</i>
06	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (2.000330)	22 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 28 ngày làm việc xuống còn 22 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC (UBND</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							<i>ting thành Sở Công Thương). Bổ sung thành phần hồ sơ.</i>
07	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP (2.000272)	16 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							(UBND tỉnh thành Sở Công Thương).
08	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (2.000361)	16 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC (UBND

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							<i>tin thành Sở Công Thương).</i>
09	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra cầu kinh tế (ENT) (1.000774)	28 ngày làm việc và 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 58 ngày làm việc xuống còn 48 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC (UBND tỉnh thành</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							<i>Sở Công Thương).</i>
10	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (2.000339)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	- Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC (UBND tỉnh thành Sở Công Thương).</i>
11	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp;	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày	- Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ² (2.000334)		công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.		12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC (UBND tỉnh thành Sở Công Thương).</i>
12	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở	16 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp;	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại (2.000322)		công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.		12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC (UBND tỉnh thành Sở Công Thương).</i>
13	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác	28 ngày làm việc và 10 ngày kể từ ngày nhận đủ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh,	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 58 ngày làm

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini (2.002166)	hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.		- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	- việc xuống còn 48 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC (UBND tỉnh thành Sở Công Thương).</i>
14	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (2.000665)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích;	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11	- Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Dịch vụ công trực tuyến một phần.		năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC (UBND tỉnh thành Sở Công Thương).</i>
15	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (1.001441)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	- Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	(UBND tỉnh thành Sở Công Thương).
16	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000376)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	chưa có	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt	- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Nam. - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	
17	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	chưa có	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy	- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.000361)					định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	
18	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực	chưa có	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	- <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	ngoài tại Việt Nam (2.000129)		hành chính công cấp xã.	tuyển một phần.		- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	<i>quyền cho Sở Công Thương).</i>
19	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh,	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu	chưa có	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của	<i>- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000358)		Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.		thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	(UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
20	Chấm dứt hoạt động	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	Nộp hồ sơ, nhận kết quả:	chưa có	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy	- Sửa đổi cơ quan có

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000168)		hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.		định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	<i>thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	Lĩnh vực xuất nhập khẩu (17 TTHC)						
01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (1.001238)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ	- Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	
02	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (1.001104)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							Sở Công Thương).
03	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép (1.013779)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
04	Thủ tục cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích;	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng	- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	miễn thuế (1.001419)		hành chính công cấp xã.	- Dịch vụ công trực tuyến một phần.		miễn thuế; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	<i>quyền cho Sở Công Thương).</i>
05	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (1.000350)	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 28/2012/TT-BCT	- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	
06	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (1.005405)	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 28/2012/TT-BCT	- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	
07	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (1.005406)	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của</i>	- <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	
08	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất (1.001062)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT	- <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều quy định Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương. <i>- Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	
09	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác (1.000957)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT	- <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	
10	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập (1.000905)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;	- <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	
11	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu (1.000890)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ	- <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						trưởng Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	
12	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh (1.004155)	Tối thiểu 14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND</i>	- <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	
13	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt (1.004181)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
14	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng (2.001758)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
15	Thủ tục sửa đổi, bổ	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	Nộp hồ sơ, nhận kết quả:	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6	- Sửa đổi cơ quan có

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất (1.000551)		hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.		năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
16	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh,	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu	Không	- Luật Thương mại; - Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của	- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu (1.004191)		Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.		Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. + Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định. + Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	(UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
17	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AK	- Trực tiếp; Dịch vụ Công trực tuyến: 8 giờ làm việc; - Qua đường Bưu điện: 24 giờ làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Hệ thống quản lý và cấp giấy chứng	Theo quy định của Bộ Tài Chính	- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa; - Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ	- Bổ sung: Căn cứ pháp lý của TTHC. - Công bố tại Quyết định số 3361/QĐ-

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.000603)			nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ https://ecosys.gov.vn .		trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa; - Thông tư số 44/2023/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa; - Thông tư số 49/2025/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa thuộc Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện giữa Chính phủ các nước thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Chính phủ Đại Hàn Dân Quốc; - Hiệp định Thương mại hàng hóa thuộc Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	BCT ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						và Đại Hàn Dân Quốc đã ký chính thức tại Ku-a-la Lăm-pơ, Ma-lai-xi-a ngày 24 tháng 8 năm 2006; - Thư phê chuẩn của Ủy ban thực thi Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc ngày 27 tháng 6 năm 2013 về việc sửa đổi tiêu Phụ lục I - Thủ tục cấp và kiểm tra Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Phụ lục III - Quy tắc xuất xứ của Hiệp định Thương mại Hàng hóa trong khuôn khổ Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc; - Bản ghi nhớ về hệ thống trao đổi dữ liệu xuất xứ điện tử (EODES) nhằm tạo thuận lợi trong thực thi hiệp định thương mại tự do giữa Bộ Công Thương Việt Nam, Tổng cục Hải quan Việt Nam và Tổng cục Hải quan Hàn Quốc được ký luân phiên tại Hà Nội vào ngày 21/10/2022 và tại Te-Chon, Hàn Quốc vào ngày 31 tháng 10 năm	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						2022. - Quyết định đính kèm danh mục PSR (HS 2022) - Tiểu Phụ lục 2 sửa đổi đính kèm Phụ lục 3 (Quy tắc xuất xứ hàng hóa) của Hiệp định Thương mại hàng hóa thuộc Hiệp định Khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Chính phủ của các nước thành viên thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Chính phủ nước Đại Hàn Dân Quốc do Ủy ban thực thi Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA-IC) thông qua theo hình thức luân phiên vào ngày 01 tháng 5 năm 2025; - Quyết định số 3361/QĐ-CT ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung ban hành trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
5	Lĩnh vực thương mại điện tử (03 TTHC)						
01	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng (1.003390)	Không quy định	- Cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử; - Cổng dịch vụ công quốc gia.	Trực tuyến	Không	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
02	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại	15 ngày làm việc	- Cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử; - Cổng dịch	Trực tuyến	Không	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của	- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	điện tử (1.000880)		vụ công quốc gia.			Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	quyền cho Sở Công Thương).
03	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng (2.000243)	Không quy định	- Cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử; - Cổng dịch vụ công quốc gia.	Trực tuyến	Không	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày ngày 16 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).

[illegible]

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
01	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013411)	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Thông tư số 106/2020/T T-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, thay thế.	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 14 ngày xuống 12 ngày. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
02	Cấp Giấy	12 ngày kể từ	Trung tâm	Nộp hồ sơ, nhận kết	- Thông tư	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024;	- Cắt giảm

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh (1.013412)	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	qua: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	số 106/2020/T T-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, thay thế.	- Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	thời hạn giải quyết từ 14 ngày xuống 12 ngày. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
03	Cấp Giấy phép hoạt	12 ngày kể từ ngày nhận đủ	Trung tâm Phục vụ	Nộp hồ sơ, nhận kết quả:	- Thông tư số	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP	- Cắt giảm thời hạn giải

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013416)	hồ sơ hợp lệ	hành chính công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	106/2020/T T-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, thay thế.	ngày 04/3/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	quyết từ 14 ngày xuống 12 ngày. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
04	Cấp lại giấy phép hoạt động điện	08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp;	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng) (1.013417)		công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		ngày 04/3/2025 của Chính phủ; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	ngày xuống 08 ngày. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
05	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013418)	08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							<i>Thương).</i>
06	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013419)	08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
07	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	08 ngày kể từ thời điểm có cơ sở xác định giấy phép hoạt động điện lực thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không có	- Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.013421)	23 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP				<i>Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	<i>(UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
08	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng. (1.013420)	08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
09	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền	12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật	Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 14 ngày xuống 12 ngày.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013401)		phục vụ hành chính công cấp xã.	chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
8	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (01 TTHC)						
01	Nhuợng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ	- Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thuốc lá (1.013780)					trưởng Bộ Công Thương; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	
9	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (09 TTHC)						
01	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (1.004021)	12 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	4.500.000đ Thông tư 299/2016/T T-BTC	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - <i>Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</i> - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan có</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							<i>thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
02	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (1.003992)	06 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	4.500.000đ Thông tư 299/2016/T T-BTC	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							<i>quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
03	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (1.004007)	06 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	4.500.000đ Thông tư 299/2016/T T-BTC	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
04	Cấp Giấy phép phân phối rượu (1.003977)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2017; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc còn 12 ngày làm việc. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	Thương).
05	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu (1.005376)	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc còn 06 ngày làm việc. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
06	Cấp lại Giấy phép phân phối	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ	Trung tâm Phục vụ hành chính	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích;	Theo quy định của pháp luật về	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ;	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 07

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	rượu (1.003101)	hồ sơ hợp lệ	công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	ngày làm việc còn 06 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
07	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (1.001338)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc còn 12 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	(UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
08	Cấp sửa	12 ngày làm	Trung tâm	- Trực tiếp;	Theo quy	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP	- Cắt giảm

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (1.001323)	việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc còn 12 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
09	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (2.000598)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc còn 12 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ quan có</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
10	Lĩnh vực an toàn thực phẩm (02 TTHC)						
01	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (2.000591)	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	- Thông tư 64/2025/TT-BTC Sản xuất: 1.250.000đ; Kinh doanh 500.000đ	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến Điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 43/2018/TT-BCT; - Thông tư 38/2025/TT-BCT; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
02	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	- Thông tư 67/2021/TT-BTC; - Thông tư 64/2025/TT-BTC Sản xuất: 1.250.000đ; Kinh doanh 500.000đ.	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP	- Sửa đổi: Tên TTHC. - Cắt giảm thời hạn giải quyết trong trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(2.000535)	điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có giảm về cơ sở kinh doanh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp				ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư 43/2018/TT-BCT; - Thông tư 38/2025/TT-BCT; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	sở kinh doanh; do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực từ 25 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		lệ. - Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh; do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị					Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		hợp lệ.					
11	Lĩnh vực hóa chất (09 TTHC)						
01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.011506)	- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa bàn tỉnh: 9 ngày làm việc - Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt ngoài địa bàn tỉnh: 12 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; - <i>Nghị định số 146/2025/NĐ-CP</i>	- Bổ sung Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 12 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa bàn tỉnh Cao Bằng;

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</i> <i>- Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt ngoài địa bàn tỉnh Cao Bằng. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							Thương. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
02	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.011507)	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công	- Bổ sung Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					trong hoạt động hóa chất	<i>ng nghiệp và thương mại;</i> - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
03	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh	- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa bàn tỉnh: 9	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ;	- Bổ sung Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 12

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.011508)	ngày làm việc - Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt ngoài địa bàn tỉnh: 12 ngày làm việc			chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất	- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - <i>Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</i> - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa bàn tỉnh Cao Bằng; - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt ngoài địa bàn tỉnh Cao Bằng. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
04	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001547)	- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa bàn tỉnh: 9 ngày làm việc - Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt ngoài địa bàn tỉnh: 12 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - <i>Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</i> - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- Bổ sung Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 12 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa bàn tỉnh Cao Bằng; - Cắt giảm thời hạn giải

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt ngoài địa bàn tỉnh Cao Bằng. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
05	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001175)	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;	- Bổ sung Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					động hóa chất	- Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
06	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa bàn tỉnh: 9 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của	- Bổ sung Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 12 ngày làm

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	trong lĩnh vực công nghiệp (2.001172)	- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt ngoài địa bàn tỉnh: 12 ngày làm việc			định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất	Chính phủ; - <i>Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</i> - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	việc xuống còn 09 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa bàn tỉnh Cao Bằng; - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							tổ chức, cá nhân được đặt ngoài địa bàn tỉnh Cao Bằng. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
07	Cấp Giấy	- Trường hợp	Trung tâm	Nộp hồ sơ, nhận kết	Thực hiện	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11	- Bổ sung

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.002758)	cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa bàn tỉnh: 9 ngày làm việc - Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt ngoài địa bàn tỉnh: 12 ngày làm việc	Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	qua: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất	năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - <i>Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</i> - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 12 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa bàn tỉnh Cao Bằng; - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt ngoài địa bàn tỉnh Cao Bằng. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							<i>quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
08	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001161)	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - <i>Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</i> - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND</i>	- Bổ sung Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					chất	ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
09	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh	- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa bàn tỉnh: 9 ngày làm việc - Trường hợp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ;	- Bổ sung Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 12 ngày làm việc xuống

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	vực công nghiệp (2.000652)	cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt ngoài địa bàn tỉnh: 12 ngày làm việc			thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất	<i>- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;</i> <i>- Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	còn 09 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa bàn tỉnh Cao Bằng; - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							nhân được đặt ngoài địa bàn tỉnh Cao Bằng. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
12	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (08 TTHC)						
01	Cấp giấy	16 ngày làm	Trung tâm	Nộp hồ sơ, nhận kết	Không quy	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật	- Sửa đổi, bổ

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp (2.000229)	việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ và hợp lệ.	Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	qua: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	định	liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc quản lý của Bộ Công Thương; - <i>Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</i> - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	sung: Thời gian giải quyết, tên thủ tục hành chính, căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan có</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							<i>thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
02	Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp (2.000210)	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ và hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không quy định	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- Sửa đổi: Tên thủ tục hành chính; căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 2,5 ngày làm việc. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
03	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (1.003401)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không quy định	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;	- Bổ sung: căn cứ pháp lý. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	Thương.
04	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh (2.001434)	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định tại Thông tư số 148/2016/T T-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 53/2019/TT-BTC	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2027 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc; - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
05	Cấp điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích;	Theo quy định tại Thông tư số 148/2016/T T-BTC	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh (1.013058)		Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Dịch vụ công trực tuyến một phần.	được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 53/2019/TT-BTC	trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2027 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	còn 04 ngày làm việc; - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
06	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ (1.000998)	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không quy định	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2027 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc; - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							<i>quyền cho Sở Công Thương).</i>
07	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ (1.000965)	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không quy định	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2027 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc; - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
08	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích;	Theo quy định tại Thông tư số 148/2016/T T-BTC	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh (2.001433)		Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Dịch vụ công trực tuyến một phần.	được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 53/2019/TT-BTC	trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2027 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	còn 04 ngày làm việc; - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
13	Lĩnh vực Cụm công nghiệp (01 TTHC)						
1	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp (1.012427)	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 32/2014/NĐ-CP, trong đó thời hạn giải quyết: Bước 1 thực hiện trong 5 ngày làm việc để	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không thu phí.	- Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ	- Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		thông báo tiếp nhận hồ sơ và 15 ngày để nhận hồ sơ; Bước 2 thực hiện trong 5 ngày làm việc; Bước 3 thực hiện trong 25 ngày; Bước 4 thực hiện trong 7 ngày làm việc.				trưởng Bộ Công Thương Quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.	
14	Lĩnh vực Công nghiệp nặng (01 TTHC)						
1	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm	25 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không thu phí.	- Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;	- Sửa đổi: Mã TTHC. - Cắt giảm thời hạn từ 30 ngày xuống còn 25 ngày. - Công bố tại Quyết định

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (1.001158)					- Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; - Thông tư số 19/2021/TT-BCT ngày 23/11/2021 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
15	Lĩnh vực khoáng sản (04 TTHC)						
01	Phê duyệt kế hoạch rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương	12 ngày (Kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực	Không quy định.	- Luật Địa chất khoáng sản ngày 29/11/2024; - Thông tư số 24/2025/TT-BCT ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản;	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống còn 12 ngày. - Sửa đổi cơ quan có

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	pháp hàm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh (1.013652)		công cấp xã.	tuyển một phần.		- Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
02	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản (1.014125)	14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không quy định.	- Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 04/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về Kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 17 ngày làm việc xuống còn 14 ngày làm việc. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
03	Cấp lại	3 ngày làm	Trung tâm	Nộp hồ sơ, nhận kết	Không quy	- Luật Địa chất và khoáng sản ngày	- Sửa đổi cơ

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản (1.014126)	việc	Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	định.	29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 04/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về Kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
04	Thu hồi Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản (1.014127)	3 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không quy định.	- Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 04/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về Kỹ	- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						thuật an toàn trong khai thác khoáng sản; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	
16	Lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động (02 TTHC)						
01	Cấp chứng chỉ kiểm định viên (2.000140)	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không quy định	- Nghị định số 140/2018/NĐ- CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 37/2018/TT-BCT ngày 25/10/2018 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về quản lý an toàn và kiểm định kỹ thuật an toàn lao	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương. - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	
02	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên (2.000066)	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không quy định	- Nghị định số 140/2018/NĐ- CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 37/2018/TT-BCT ngày 25/10/2018 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về quản lý an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						của Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	
17	Lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp (03 TTHC)						
01	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp (2.001573)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không quy định	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; - Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND</i>	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc còn 08 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	
02	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp (1.003705)	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không quy định	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; - Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc còn 25 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
03	Xác nhận	15 ngày làm	Trung tâm	Nộp hồ sơ, nhận kết	Không quy	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP	- <i>Sửa đổi cơ</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương (2.000324)	việc kể từ ngày thực hiện kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp.	Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	qua: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	định	ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; - Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
18	Lĩnh vực chất lượng sản phẩm hàng hóa (06 TTHC)						
01	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ	Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp;	Không có	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hoạt động kiểm định (2.000604)	hồ sơ hợp lệ	công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	ngày làm việc còn 08 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
02	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định (2.001675)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không có	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc còn 08 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							(UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
03	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định (2.001665)	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không có	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc còn 04 ngày làm việc. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
04	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh	Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận	Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp;	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP	- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	giá sự phù hợp (2.000147)	được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chỉ định tổ chức đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp thông qua việc cử chuyên gia hoặc thành lập đoàn đánh giá. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế, nếu tổ chức	công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích.		ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của	quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định cho tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018				<i>Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	
05	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích;	Không có	- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc còn 04

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hợp (1.013990)		Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Dịch vụ công trực tuyến một phần.		Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của của Chính phủ; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	ngày làm việc. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
06	Cấp thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định (1.013989)	04 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không có	- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của của Chính phủ; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc còn 04 ngày làm việc. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	<i>quyền cho Sở Công Thương).</i>
19	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (09 TTHC)						
01	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (1.001271)	08 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của</i>	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc còn 08 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	
02	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (2.000618)	08 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc còn 08 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
03	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng	04 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ	Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ, nhận kết quả:	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 05

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	ký hoạt động thử nghiệm (2.000613)	sơ hợp lệ.	công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.		ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	ngày làm việc còn 04 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
04	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (1.000878)	08 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc còn 08 ngày làm việc.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			công cấp xã.	tuyển một phần.		Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
05	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (2.000401)	08 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính;	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc còn 08 ngày làm việc. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	(UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).
06	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (2.000251)	04 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc còn 04 ngày làm việc. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	Thương).
07	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (1.001292)	08 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc còn 08 ngày làm việc. - Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	
08	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (2.000628)	Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, bộ quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức chứng nhận theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP của Chính phủ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - <i>Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i>	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc còn 08 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
09	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (2.000624)	04 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc còn 04 ngày làm việc. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
20	Lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (01 TTHC)						
01	Đăng ký hợp đồng	25 ngày kể từ ngày nhận đủ	Trung tâm Phục vụ	Nộp hồ sơ, nhận kết quả:	Không quy định	- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20 tháng 6 năm 2023;	- Cắt giảm thời gian giải

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương (2.000191)	hồ sơ hợp lệ và có thể được gia hạn thêm tối đa không quá 30 ngày trong trường hợp phức tạp	hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.		- Nghị định số 55/2024/NĐ CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; - Nghị định số 146/2025/NĐ CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 42/2025/TT BCT ngày 22/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	quyết từ 30 ngày xuống còn 25 ngày. - <i>Sửa đổi cơ quan có thẩm quyền quyết định (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương).</i>
II	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (06 TTHC)						
1	Lĩnh vực kinh doanh khí (03 TTHC)						
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp;	Theo quy định của pháp luật về	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;	- Sửa đổi: Cách thức thực hiện.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	cửa hàng bán lẻ LPG chai (2.001283)		công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	- Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (2.001270)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	- Sửa đổi: Cách thức thực hiện. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							Thương.
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (2.001261)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	- Sửa đổi: Cách thức thực hiện. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
2	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (03 TTHC)						
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (2.000633)	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	1.100.000đ Thông tư 299/2016/T-T-BTC	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước	- Sửa đổi, bổ sung: Đối tượng thực hiện TTHC; yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính; căn cứ pháp

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						của Bộ Công Thương. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	lý. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
2	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (1.001279)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	1.100.000đ Thông tư 299/2016/T T-BTC	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	- Sửa đổi, bổ sung: Cách thức thực hiện. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							Thương.
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (2.000629)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	1.100.000đ Thông tư 299/2016/T T-BTC	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	- Sửa đổi: Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính. - Công bố tại Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH BỊ BÃI BỎ (03 TTHC)

STT	Tên TTHC (mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục TTHC	Văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ TTHC
01	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ (1.012569)		Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính
02	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm (2.001293)	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng	Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
03	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm (2.001278)		

- Tổng số danh mục TTHC công bố: 134 TTHC
- Trong đó:
 - + TTHC công bố mới: 05 TTHC;
 - + TTHC sửa đổi, bổ sung: 129 TTHC;
 - + TTHC bị bãi bỏ: 03 TTHC.
- TTHC cắt giảm thời hạn giải quyết: 82 TTHC.
- TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính: 133 TTHC.

- TTHC được ủy quyền: 104 TTHC.
- Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 32 TTHC.
- Dịch vụ công trực tuyến một phần: 102 TTHC.

Phụ lục II

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH TRUNG TRONG CÁC LĨNH VỰC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số: 2119/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
I. LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI (02 TTHC)

Quy trình số: 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài (2.000133)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng QLTM	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; trình lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên phòng QLTM	3 ngày làm việc

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025**

Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLTM	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, ký phê duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	- Văn thư đóng dấu (hoặc ký số); Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh.	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Thẩm định hồ sơ; trình lãnh đạo Văn phòng duyệt; lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, quyết định; chuyển kết quả TTHC đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Công chức phòng kinh tế, Văn phòng UBND tỉnh	2,5 ngày làm việc
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			7 ngày làm việc

Quy trình số: 02

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài (2.000026)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025**

	quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng QLTM	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; trình lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên phòng QLTM	2 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLTM	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, ký phê duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	- Văn thư đóng dấu (hoặc ký số); Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh.	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Thẩm định hồ sơ; trình lãnh đạo Văn phòng duyệt; lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, quyết định; chuyển kết quả TTHC đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Công chức phòng kinh tế, Văn phòng UBND tỉnh	1,5 ngày làm việc
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			5 ngày làm việc

II. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ (15 TTHC)

Quy trình số: 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết 06 TTHC:

- Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG (1.000491);
- Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG (1.000510);
- Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG (1.000649);
- Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG (1.005372);
- Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG (2.000146);
- Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG (1.000387).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng QLTM	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; trình lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên phòng QLTM	4,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLTM	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, ký phê duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc

Bước 6	Văn thư đóng dấu (hoặc ký số);	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			6 ngày làm việc

Quy trình số: 02

2. Quy trình nội bộ giải quyết 03 TTHC:

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG (2.001424);
- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG (1.005184);
- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG (1.000706).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

	khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; trình lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên phòng QLTM	10 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, ký phê duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư đóng dấu (hoặc ký số)	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			12 ngày làm việc

Quy trình số: 03

3. Quy trình nội bộ giải quyết 02 TTHC:

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG (1.000475);
- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini (2.000304).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

	nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Tiến hành xem xét, thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: soạn thảo dự thảo Giấy chứng nhận gửi lãnh đạo phòng xem xét; - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: soạn văn bản trả lời, nêu rõ lý do gửi lãnh đạo phòng xem xét.	Công chức phòng QLCN	10,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			12 ngày làm việc

4. Quy trình nội bộ giải quyết 04 TTHC:

- Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG (1.000455);
- Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini (1.000709);
- Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG (1.000742);
- Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini (1.000704).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Tiến hành xem xét, thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: soạn thảo dự thảo Giấy chứng nhận gửi lãnh đạo phòng xem xét; - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: soạn văn bản trả lời, nêu rõ	Công chức phòng QLCN	4,5 ngày làm việc

	lý do gửi lãnh đạo phòng xem xét.		
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			06 ngày làm việc

III. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (20 TTHC)

Quy trình số: 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết 09 TTHC:

- Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (2.000340);
- Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (2.000339);
- Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m² (2.000334);
- Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (2.000665);
- Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (1.001441);
- Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000361);
- Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (2.000129);
- Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000358);

- Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000168).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	2,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng,	Không tính thời gian

		Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			05 ngày làm việc

Quy trình số: 02

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000376).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	4,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			07 ngày làm việc

Quy trình số: 03

3. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa (2.000255)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập	0,5 ngày làm việc

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025**

	sơ	khẩu	
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	7,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			10 ngày làm việc

Quy trình số: 04

4. Quy trình nội bộ giải quyết 03 TTHC:

- Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP (2.000272);
- Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (2.000361);
- Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại (2.000322).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng,	0,5 ngày làm việc

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025**

	chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	10 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	2 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	2 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	1 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			16 ngày làm việc

Quy trình số: 05

5. Quy trình nội bộ giải quyết 04 TTHC:

- Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn (2.000370);
- Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí (2.000362);
- Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP (2.000351);
- Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (2.000330).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	18 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập	2 ngày làm việc

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025**

		khẩu	
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	1 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			22 ngày làm việc

Quy trình số: 06

6. Quy trình nội bộ giải quyết 02 TTHC:

- Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (1.000774);
- Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini (2.002166).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025**

	giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	42 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	2 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	2 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	1 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			48 ngày làm việc

IV. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU (17 TTHC)

Quy trình số: 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa (1.000421).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp	Công chức tại Trung tâm Phục vụ	0,25 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

	nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	hành chính công tỉnh Cao Bằng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	1 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh xem xét	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Thẩm định hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét phê duyệt	Công chức phòng kinh tế, Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
Bước 8	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư UBND tỉnh	0,25 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian

Tổng thời gian thực hiện TTHC:		03 ngày làm việc
---------------------------------------	--	-------------------------

Quy trình số: 02

2. Quy trình nội bộ giải quyết 03 TTHC:

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (1.001238);
- Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (1.001104);
- Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu (1.004191).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	1,5 ngày làm việc

Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			03 ngày làm việc

Quy trình số: 03

3. Quy trình nội bộ giải quyết 05 TTHC:

- Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất (1.001062);
- Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác (1.000957);
- Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập (1.000905);
- Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu (1.000890);
- Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất (1.000551).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc

	bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	3 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			05 ngày làm việc

Quy trình số: 04

4. Quy trình nội bộ giải quyết 03 TTHC:

- Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép (1.013779);
- Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt (1.004181);
- Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng (2.001758).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	4,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian

Tổng thời gian thực hiện TTHC:		07 ngày làm việc
---------------------------------------	--	-------------------------

Quy trình số: 05

5. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Thủ tục cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế (1.001419)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	7,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc

	Phục vụ hành chính công		
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			10 ngày làm việc

Quy trình số: 06

6. Quy trình nội bộ giải quyết 02 TTHC:

- Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (1.000350);
- Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (1.005406).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	27,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	20 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			30 ngày làm việc

Quy trình số: 07

7. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh (1.004155).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

	tính và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	11,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			14 ngày làm việc

Quy trình số: 08

8. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (1.005405)

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	12,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian

Tổng thời gian thực hiện TTHC:		15 ngày làm việc
---------------------------------------	--	-------------------------

V. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (06 TTHC)

Quy trình số: 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử (1.000880)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	12,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			15 ngày làm việc

Quy trình số: 02

2. Quy trình nội bộ giải quyết 02 TTHC:

- Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng (1.003390);
- Thông báo website thương mại điện tử bán hàng (2.000243).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

	01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Chuyên viên phòng QLXNK tiếp nhận hồ sơ: Trong thời hạn 3 ngày làm việc, thương nhân, tổ chức, cá nhân nhận kết quả từ Sở Công Thương qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký về một trong các nội dung sau: - Nếu thông tin đăng ký tài khoản đầy đủ, thương nhân, tổ chức, cá nhân được cấp một tài khoản đăng nhập hệ thống và tiến hành tiếp Bước 3; - Nếu đăng ký tài khoản bị từ chối hoặc yêu cầu bổ sung, thương nhân, tổ chức, cá nhân phải tiến hành đăng ký lại hoặc bổ sung thông tin theo yêu cầu. Bước 3: Sau khi được cấp tài khoản đăng nhập hệ thống, thương nhân, tổ chức, cá nhân tiến hành đăng nhập, chọn chức năng Thông báo website thương mại điện tử bán hàng và tiến hành khai báo thông tin theo mẫu. Bước 4: Trong thời hạn 3 ngày làm việc, thương nhân, tổ chức, cá nhân nhận thông tin phản hồi của Sở Công Thương qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký về một trong các nội dung sau: - Xác nhận thông tin khai báo đầy đủ, hợp lệ; - Cho biết thông tin khai báo chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ. Khi đó, thương nhân, tổ chức, cá nhân phải quay về Bước 3 để khai báo lại hoặc bổ sung các	Chuyên viên phòng QLXNK	03 ngày làm việc

	thông tin theo yêu cầu. 3. Thương nhân, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm theo dõi tình trạng xử lý hồ sơ qua thư điện tử hoặc tài khoản truy cập hệ thống. 4. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo yêu cầu bổ sung thông tin ở Bước 4 theo quy định, nếu thương nhân, tổ chức, cá nhân không có phản hồi thì hồ sơ thông báo sẽ bị chấm dứt và phải tiến hành thông báo lại hồ sơ từ Bước 3.		
Tổng thời gian giải quyết TTHC: - Đăng ký mở tài khoản: 3 ngày làm việc - Phản hồi về hồ sơ thông báo: 3 ngày làm việc - Duyệt thông báo: 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo đầy đủ, hợp lệ của thương nhân, tổ chức, cá nhân. - Chấm dứt thông tin thông báo: Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo yêu cầu bổ sung thông tin mà thương nhân, tổ chức, cá nhân không tiến hành bổ sung.			

Quy trình số: 03

3. Quy trình nội bộ giải quyết 02 TTHC:

- Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng thương mại điện tử bán hàng (1.002968);
- Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về website thương mại điện tử bán hàng (1.000758).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
------------------	--------------------	-----------------------	---------------------

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

Bước 1	Tư vấn, hỗ trợ tạo lập tài khoản đăng hồ sơ trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên cổng online.gov.vn (nếu có)	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, thẩm định hồ sơ, báo cáo lãnh đạo phòng. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ công chức kích hoạt từ chối, (nếu hồ sơ hợp lệ chuyển sang bước 4)	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc
Bước 4	Xác nhận trực tuyến (sau khi xác nhận thì hệ thống tự động cập nhật trên cổng online.gov.vn)	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	1,5 ngày làm việc
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			03 ngày làm việc

Quy trình số: 04

4. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT (1.000799)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tư vấn, hỗ trợ tạo lập tài khoản đăng hồ sơ trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên cổng online.gov.vn (nếu có)	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	0,5 ngày làm việc

Bước 3	Xem xét, thẩm định hồ sơ, báo cáo lãnh đạo phòng.	Công chức phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	3,5 ngày làm việc
Bước 4	Báo Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng chuyên môn của Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Xác nhận thông tin, phản hồi tới Công chức thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả	Công chức phòng chuyên môn của Sở Công Thương	01 ngày làm việc
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			07 ngày làm việc

VI. LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN (01 TTHC)

Quy trình số 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: **Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (2.001384)**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	0,25 ngày

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Năng lượng	0,25 ngày
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	20 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh xem xét cấp giấy phép	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,25 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày
Bước 7	Thẩm định hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét phê duyệt	Công chức phòng kinh tế UBND tỉnh	3,25 ngày
Bước 8	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư UBND tỉnh	0,25 ngày
Bước 9	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			25 ngày

VII. LĨNH VỰC ĐIỆN (09 TTHC)

Quy trình số 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết 04 TTHC:

- Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013411);
- Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh (1.013412);
- Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013416);
- Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013401).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	9,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt cấp giấy phép	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			12 ngày

Quy trình số 02

2. Quy trình nội bộ giải quyết 05 TTHC:

- Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng) (1.013417);
- Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013418);
- Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013419);
- Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013421);
- Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng (1.013420).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập	Công chức tại Trung tâm Phục vụ	0,25 ngày

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

	phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Năng lượng	0,25 ngày
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Quản lý Năng lượng	6,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Năng lượng	0,5 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,25 ngày
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			08 ngày

VIII. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG (02 TTHC)

Quy trình số: 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá (1.013780)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng QLCN	11 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLCN	0,5 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở phê duyệt, chuyển văn thư	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày
Bước 7	Thẩm định hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét	Công chức phòng kinh tế, Văn phòng	2 ngày

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

	phê duyệt	UBND tỉnh	
Bước 8	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư UBND tỉnh	0,25 ngày
Bước 9	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			15 ngày

Quy trình số: 02

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước (1.001335)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

Bước 3	Thụ lý giải quyết; trình lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên phòng QLCN	11 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLCN	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, ký phê duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	- Văn thư đóng dấu (hoặc ký số); Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh.	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Thẩm định hồ sơ; trình lãnh đạo Văn phòng duyệt; lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, quyết định; chuyển kết quả TTHC đến Trung tâm phục vụ hành chính công	Công chức phòng kinh tế, Văn phòng UBND tỉnh	2 ngày làm việc
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	không tính thời gian
		Tổng thời gian thực hiện TTHC:	20 ngày làm việc

IX. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (09 TTHC)

Quy trình số: 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (1.004021)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc

	bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng QLCN	10,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở phê duyệt, chuyển văn thư	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			12 ngày làm việc

Quy trình số: 02

2. Quy trình nội bộ giải quyết 02 TTHC:

- Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (1.003992);
- Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (1.004007).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
------------------	--------------------	-----------------------	---------------------

Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng QLCN	4,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở phê duyệt, chuyển văn thư	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			06 ngày làm việc

Quy trình số: 03

3. Quy trình nội bộ giải quyết 04 TTHC:

- Cấp Giấy phép phân phối rượu (1.003977);

- Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (1.001338);
- Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (1.001323);
- Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (2.000598).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; trình lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên phòng QLTM	10 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, ký phê duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư đóng dấu (hoặc ký số)	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung	Không tính thời gian

		tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			12 ngày làm việc

Quy trình số: 04

4. Quy trình nội bộ giải quyết 02 TTHC:

- Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu (1.005376);
- Cấp lại Giấy phép phân phối rượu (1.003101).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng QLTM	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; trình lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên phòng QLTM	4,5 ngày làm việc

Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLTM	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, ký phê duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư đóng dấu (hoặc ký số)	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			6 ngày làm việc

X. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM (02 TTHC)

Quy trình số: 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (2.000591)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025**

	với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng QLCN	13 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLCN	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở phê duyệt, chuyển văn thư	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			15 ngày làm việc

Quy trình số: 02

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (2.000535).

- Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực;
- Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
-------------------------	---------------------------	------------------------------	----------------------------

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025**

Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng QLCN	13 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLCN	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở phê duyệt, chuyển văn thư	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			15 ngày làm việc

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng;
- Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh;

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh;
- Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có giảm về cơ sở kinh doanh:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng QLCN	1,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở phê duyệt, chuyển văn thư	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm	Không tính thời gian

		phục vụ hành chính công cấp xã	
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			03 ngày làm việc

XI. LĨNH VỰC HÓA CHẤT (09 TTHC)

Quy trình số: 01

1. Quy trình giải quyết 06 TTHC:

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.011506);
- Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.011508);
- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001547);
- Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001172);
- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.002758);
- Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.000652).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

	quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý Công nghiệp	0,75 ngày
Bước 3	Thẩm định hồ sơ; Trình lãnh đạo phòng xem xét	Công chức Phòng Quản lý Công nghiệp	- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa bàn tỉnh: 6,5 ngày
			- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt ngoài địa bàn tỉnh: 9,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,75 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính:			- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa

	chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa bàn tỉnh: 9 ngày làm việc
	- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt ngoài địa bàn tỉnh: 12 ngày làm việc

Quy trình: 02

2. Quy trình giải quyết 03 TTHC:

- Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.011507);
- Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001175);
- Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001161).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày

	làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý Công nghiệp	0,75 ngày
Bước 3	Thẩm định hồ sơ; Trình lãnh đạo phòng xem xét	Công chức Phòng Quản lý Công nghiệp	1,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,75 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính:			04 ngày làm việc

XII. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ (08 TTHC)

Quy trình số: 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp (2.000229)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

	thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
	Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ thông báo kế hoạch huấn luyện, kiểm tra cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do	Chuyên viên phòng QLCN	14,5 ngày làm việc
	Chuyên viên trình lãnh đạo phòng xem xét trình lãnh đạo sở	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo sở xem xét, chuyển văn thư	Lãnh đạo sở	0,5 ngày làm việc
Bước 4	Văn thư vào sổ, đóng dấu	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Bộ phận một cửa xác nhận trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			16 ngày làm việc

Quy trình số: 02

2. Quy trình nội bộ giải quyết 02 TTHC: Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp (2.000210)

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng QLCN	1 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở phê duyệt, chuyển văn thư	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			2,5 ngày làm việc

Quy trình số: 03

3. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (1.003401).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng QLCN	1 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở phê duyệt, chuyển văn thư	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,25 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày
Bước 7	Thẩm định hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét phê	Công chức phòng kinh tế	0,5 ngày

	duyet	UBND tỉnh	
Bước 8	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Văn thư UBND tỉnh	0,25 ngày
Bước 9	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			3 ngày làm việc

Quy trình số: 04

4. Quy trình nội bộ giải quyết 05 TTHC:

- Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh (2.001434);
- Cấp điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh (1.013058);
- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ (1.000998);
- Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ (1.000965);
- Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh (2.001433).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc

	không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
	Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ	Công chức phòng QLCN	2,5 ngày làm việc
	Chuyên viên trình lãnh đạo phòng xem xét trình lãnh đạo sở	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo Sở phê duyệt, chuyển văn thư	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 4	Văn thư vào sổ, đóng dấu	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Bộ phận một cửa xác nhận trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			04 ngày làm việc

XIII. LĨNH VỰC CỤM CÔNG NGHIỆP (01 TTHC)

1. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính: Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp (1.012427)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
I	UBND cấp xã		25 ngày
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm	0,5 ngày làm việc

	nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	phục vụ hành chính công cấp xã	
Bước 2	Phân công chuyên viên xử lý hồ sơ	Trưởng phòng Kinh tế/ phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, chuyên viên soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ, nêu rõ lý do; + Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, chuyên viên dự thảo văn bản thông báo rộng rãi việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp trình Lãnh đạo phòng.	Công chức phòng Kinh tế/ phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	02 ngày làm việc
Bước 4	Kiểm tra nội dung tham mưu, trình Lãnh đạo UBND cấp xã	Trưởng phòng Kinh tế/ phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	01 ngày làm việc
Bước 5	Xem xét và duyệt ký văn bản thông báo rộng rãi việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Đóng dấu, chuyển văn bản thông báo đến Cơ quan thông tin đại chúng của địa phương (đài phát thanh, đài truyền hình, báo in, báo điện tử và trang/Cổng thông tin điện tử) để thông báo rộng rãi về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	Văn thư UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Thông báo rộng rãi việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	Công chức một cửa UBND cấp xã	15 ngày

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

Bước 8	Phân công chuyên viên xử lý hồ sơ	Trưởng phòng phòng Kinh tế/ phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	0,5 ngày làm việc
Bước 9	- Tổng hợp danh sách đăng ký, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập 02 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp kèm tệp tin điện tử của hồ sơ; - Soạn thảo dự thảo Báo cáo và Tờ trình về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã, trình lãnh đạo phòng.	Công chức phòng Kinh tế/ phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	2,5 ngày làm việc
Bước 10	Kiểm tra nội dung tham mưu; trình Lãnh đạo UBND cấp xã	Trưởng phòng Kinh tế/ phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	0,5 ngày làm việc
Bước 11	Xem xét và duyệt ký Báo cáo và Tờ trình về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã, chuyển phòng chuyên môn.	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày làm việc
Bước 12	Đóng dấu, chuyển Tờ trình, Báo cáo thành lập cụm công nghiệp /mở rộng cụm công nghiệp và 02 bộ hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Sở Công Thương.	Văn thư UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
II	Sở Công Thương		25 ngày
Bước 13	Tiếp nhận hồ sơ theo quy định và cập nhật hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý công nghiệp	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	0,5 ngày
Bước 14	Phân công chuyên viên xử lý hồ sơ	Trưởng phòng QLCN Sở Công Thương	0,5 ngày
Bước 15	- Công chức phòng chuyên môn soạn thảo Công văn xin ý kiến các sở, ngành liên quan về hồ sơ, nội dung Báo cáo đầu tư; tổng hợp ý kiến các sở, ngành.	Công chức phòng QLCN Sở Công Thương	20 ngày

<i>Trường hợp hồ sơ, nội dung Báo cáo thành lập/mở rộng cụm công nghiệp không đáp ứng yêu cầu:</i> - Sở Công Thương có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ lần 1. Trường hợp hồ sơ bổ sung lần 1 chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì thông báo bằng văn bản lần 2 hướng dẫn cho Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục hoàn thiện hồ sơ (Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định). - Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức về lý do từ chối giải quyết. Chuyển kết quả ra Bộ phận một cửa Sở Công Thương (<i>Bước 21</i>). <i>Trường hợp hồ sơ, Báo cáo thành lập/ mở rộng cụm công nghiệp đầy đủ, đạt yêu cầu:</i> - Sở Công Thương có văn bản báo cáo Chủ tịch Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện chấm điểm lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. - Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: + Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư thực hiện chấm điểm lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định. + Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức không đủ điểm (dưới 50 điểm) để được UBND tỉnh xem xét, quyết định giao làm chủ đầu tư: Chuyển Công văn thông báo kết quả lựa chọn chủ đầu tư ra Bộ phận Một cửa Sở Công Thương (<i>Bước 21</i>) + Trường hợp Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có số điểm từ 50 trở lên: Nếu có từ 02 doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức trở lên cùng đề nghị làm		
--	--	--

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

	chủ đầu tư thì giao doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có số điểm cao nhất; nếu có từ 02 doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có số điểm cao nhất bằng nhau thì giao doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư. - Sau khi có kết quả đánh giá lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, công chức phòng chuyên môn lập dự thảo Tờ trình, Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp trình Trưởng phòng.		
Bước 16	Xem xét dự thảo Tờ trình, Báo cáo thẩm định, dự thảo Quyết định về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp và trình Lãnh đạo Sở Công Thương duyệt, ký.	Trưởng phòng QLCN Sở Công Thương	02 ngày
Bước 17	Xem xét và duyệt, ký Tờ trình, Báo cáo thẩm định và duyệt dự thảo Quyết định về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	Lãnh đạo Sở Công Thương	1,5 ngày
Bước 18	Đóng dấu, chuyển Tờ trình, Báo cáo thẩm định, dự thảo Quyết định và hồ sơ kèm theo đến Văn phòng UBND tỉnh.	Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày
III	UBND tỉnh		7 ngày
Bước 19	Thẩm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng duyệt; trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt ban hành Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.	Công chức UBND tỉnh	6,5 ngày làm việc
Bước 20	Văn thư Văn phòng lấy số văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả thủ tục hành chính kèm theo hồ sơ (nếu có) đến Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
Bước 21	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Công Thương tại Trung tâm PVHCC trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính:			40 ngày và 17 ngày làm việc

XIV. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NẶNG (01 TTHC)

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: **Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (1.001158)**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc		Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	1 ngày
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,5 ngày
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan có thẩm quyền của địa phương nơi thực hiện dự án kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ.	Công chức Phòng Quản lý công nghiệp	21 Ngày
		1. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và không hợp lệ, Cơ quan có thẩm quyền của địa phương nơi thực hiện dự án thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung,	Công chức Phòng Quản lý công nghiệp	

		hoàn chỉnh hồ sơ.		
		2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn mười lăm (20) ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền tiến hành thẩm định nội dung hồ sơ, trường hợp cần thiết sẽ kiểm tra thực tế tại cơ sở. Cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản thông báo kết quả xác nhận ưu đãi chậm nhất sau ba mươi 25 ngày làm việc.	Công chức Phòng Quản lý công nghiệp	
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt		Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	1 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt		Lãnh đạo Sở Công Thương	1 ngày
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công		Văn thư Sở Công Thương	0,5 ngày
Bước 7	Bộ phận một cửa xác nhận trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC		Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:				25 ngày

XV. LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN (04 TTHC)

1. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính: Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013652)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
-------------------------	---------------------------	------------------------------	----------------------------

Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc (<i>Kể từ khi hồ sơ hợp lệ và ban hành văn bản tiếp nhận</i>)
Bước 2	Kiểm tra, phân công thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra thực địa (nếu cần); - Soạn thảo văn bản gửi xin ý kiến đến các cơ quan liên quan (nếu cần); - Hoàn thiện thành việc thẩm định hồ sơ; - Hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh; - Trình lãnh đạo phòng kiểm tra	Công chức thụ lý phòng Quản lý công nghiệp	10,5 ngày làm việc
Bước 4	Kiểm tra nội dung tham mưu, trình lãnh đạo Sở ký tờ trình	Lãnh đạo phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc
Bước 4	Xét duyệt, ký tờ trình	lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm

	hành chính công		việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định thời gian
Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính:			12 ngày làm việc

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản (1.014125)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc (Kể từ khi hồ sơ hợp lệ và ban hành văn bản tiếp nhận)
Bước 2	Kiểm tra, phân công thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp, Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

Bước 3	Lập kế hoạch kiểm tra	Công chức thụ lý phòng Quản lý công nghiệp, Sở Công Thương	2 ngày làm việc
Bước 4	Kiểm tra nội dung tham mưu, trình lãnh đạo Sở ký Thông báo kiểm tra	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Soát, duyệt văn bản	Chánh Văn phòng Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc
Bước 6	Xét duyệt, ký Thông báo	lãnh đạo Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Vào sổ, đóng dấu, gửi thông báo cho Doanh nghiệp	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 8	Tham mưu thành lập các tổ: Tổ ra đề, Tổ in sao đề, Tổ kiểm tra, Tổ rọc phách, ghép phách, Tổ chấm điểm	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	7 ngày làm việc
Bước 9	Hoàn thiện hồ sơ: - Rọc phách, chấm điểm, ghép phách - In chứng nhận, hoàn thiện hồ sơ	Tổ kiểm tra, Sở Công Thương	2,5 ngày làm việc
Bước 10	Kiểm tra hồ sơ trình, trình lãnh đạo Sở ký tờ trình	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc
Bước 11	Ký tờ trình	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc
Bước 12	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 13	Thông báo và trả kết quả TTHC cho tổ chức, các nhân.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định thời gian

Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính:

14 ngày làm việc

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC (02 TTHC)

- Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản (1.014126).
- Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản (1.014127).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc (Kể từ khi hồ sơ hợp lệ và ban hành văn bản tiếp nhận)
Bước 2	Kiểm tra, phân công thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc
Bước 3	In chứng nhận, hoàn thiện hồ sơ	Công chức thụ lý phòng Quản lý công nghiệp	1,5 ngày làm việc
Bước 4	Kiểm tra hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp	0,25 ngày làm việc

Bước 5	Soát, duyệt	Chánh Văn phòng Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 6	Ký tờ trình	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 9	Thông báo và trả kết quả TTHC cho tổ chức, các nhân.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định thời gian
Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính:			3 ngày làm việc

XVI. LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG (02 TTHC)

Quy trình số: 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết 02 TTHC:
- Cấp chứng chỉ kiểm định viên (2.000140);
 - Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên (2.000066).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

	quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày
Bước 3	Tiến hành kiểm tra - Trường hợp đủ điều kiện cấp Chứng chỉ: dự thảo văn bản của Sở Công Thương kèm theo dự thảo Chứng chỉ gửi lãnh đạo phòng xem xét; - Trường hợp không đủ điều kiện cấp Chứng chỉ: soạn văn bản của Sở Công Thương văn bản trả lời, nêu rõ lý do gửi lãnh đạo phòng xem xét.	Công chức phòng QLCN	2,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày
Bước 8	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày
Bước 9	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			04 ngày làm việc

XVII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ BÁN HÀNG ĐA CẤP (03 TTHC)

Quy trình số: 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp (2.001573)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; trình lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên phòng QLTM	6 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, ký phê duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư đóng dấu (hoặc ký số)	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian

Tổng thời gian giải quyết TTHC	8 ngày làm việc
---------------------------------------	------------------------

Quy trình số: 02

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp (1.003705)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; trình lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên phòng QLTM	22,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, ký phê duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư đóng dấu (hoặc ký số)	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc

Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			25 ngày làm việc

Quy trình số: 03

3. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương (2.000324)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày làm việc

Bước 3	Thụ lý giải quyết; trình lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên phòng QLTM	13 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, ký phê duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư đóng dấu (hoặc ký số)	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			15 ngày làm việc

XVIII. LĨNH VỰC CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA (06 TTHC)

Quy trình số:01

1. Quy trình giải quyết 02 TTHC:

- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định (2.000604);
- Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định (2.001675).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc

	bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng QLCN	6,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			8 ngày làm việc

Quy trình số: 02

2. Quy trình giải quyết 03 TTHC:

- Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định (2.001665);
- Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (1.013990);
- Cấp thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định (1.013989).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý Công nghiệp	0,75 ngày
Bước 3	Thẩm định hồ sơ; Trình lãnh đạo phòng xem xét	Công chức Phòng Quản lý Công nghiệp	1,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Phòng Quản lý Công nghiệp	0,5 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,75 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ	Không tính thời gian

		hành chính công cấp xã	
Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính:			04 ngày làm việc

3. Quy trình giải quyết 01 TTHC:

- Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (2.000147);

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN	0,5 ngày
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng QLCN	19 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLCN	1 ngày làm việc

Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	3 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	1 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			20 ngày và 05 ngày làm việc

XIX. LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG (09 TTHC)

Quy trình số: 01

1. Quy trình giải quyết 06 TTHC:

- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (1.001271);
- Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (2.000618);
- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (1.000878);
- Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (2.000401);
- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (1.001292);
- Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (2.000628).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm	0,25 ngày làm việc

	chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Phục vụ hành chính công cấp xã	
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng QLCN	6,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			8 ngày làm việc

Quy trình số: 02

2. Quy trình giải quyết 03 TTHC:

- Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (2.000613);

- Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (2.000251);
- Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (2.000624).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng QLCN	2.5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLCN	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Sở Công Thương	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ	Không tính thời gian

		hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			04 ngày làm việc

XX. LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG (01 TTHC)

Quy trình số: 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương (2.000191)

1.1. Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của địa phương

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

Bước 3	Thụ lý giải quyết; trình lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên phòng QLTM	22,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, ký phê duyệt	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày
Bước 6	Văn thư đóng dấu (hoặc ký số)	Văn thư Sở	0,5 ngày
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			25 ngày

1.2. Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của địa phương (trong trường hợp phức tạp)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày

	01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng QLTM	01 ngày
Bước 3	Thụ lý giải quyết	Chuyên viên phòng QLTM	50 ngày
Bước 4	Duyệt kết quả giải quyết, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả xử lý	Lãnh đạo phòng QLTM	01 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét, ký duyệt nội dung xử lý	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả đến TTPVHCC	Bộ phận Văn thư	01 ngày
Bước 7	Xác nhận trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			55 ngày

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (06 TTHC)

I. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ (03 TTHC)

Quy trình số:01

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (2.001283)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính	0,5 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

	hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	công cấp xã	
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng chuyên môn UBND xã, phường	01 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; trình lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng chuyên môn UBND xã, phường	10 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo xã, phường phê duyệt	Lãnh đạo phòng chuyên môn UBND xã, phường	1,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo xã, phường xem xét, ký phê duyệt	Lãnh đạo UBND xã, phường	01 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư UBND xã, phường	01 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			15 ngày làm việc

2. Quy trình nội bộ giải quyết 02 TTHC:

- Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (2.001270);
- Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (2.001261).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng chuyên môn UBND xã, phường	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; trình lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng chuyên môn UBND xã, phường	04 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo xã, phường phê duyệt	Lãnh đạo phòng chuyên môn UBND xã, phường	01 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo xã, phường xem xét, ký phê duyệt	Lãnh đạo UBND xã, phường	0,5 ngày làm việc

Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư UBND xã, phường	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			7 ngày làm việc

II. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (03 TTHC)

Quy trình số: 01

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (2.000633)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,25 ngày làm việc

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025**

	01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị/phòng Kinh tế	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị/phòng Kinh tế	08 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo UBND cấp xã phê duyệt	Lãnh đạo phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị/phòng Kinh tế	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo UBND cấp xã duyệt văn bản	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			10 ngày làm việc

Quy trình số: 02

2. Quy trình nội bộ giải quyết 02 TTHC:

- Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (1.001279);
- Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (2.000629).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp	Công chức tại Trung tâm Phục vụ	0,25 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

	nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	hành chính công tỉnh Cao Bằng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công công chức phòng xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị/phòng Kinh tế	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, gửi lãnh đạo phòng xem xét	Công chức phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị/phòng Kinh tế	05 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị/phòng Kinh tế	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt văn bản	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			07 ngày làm việc